

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-03-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa.

Ông Doãn Văn Sáng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST -HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 2000; nơi cư trú: xã L, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Trí T, sinh năm 1999; nơi cư trú: xã L, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị P trình bày (qua đơn khởi kiện và bản tự khai): Chị với anh Hoàng Trí T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 28/9/2020. Sau lễ cưới được tổ chức theo phong tục, vợ chồng chung sống tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Đến khoảng cuối năm

2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau về cuộc sống chung về việc làm ăn kinh tế, đối xử giữa giữa các thành viên hai bên gia đình nội ngoại. Vợ chồng còn trẻ nên hay xảy ra cãi vã, không bên nào chịu nhường bên nào. Do không chịu đựng được nhau trong khoảng thời gian dài nên chị đã bỏ về bố mẹ đẻ tại xã Liên Xuân, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Chị và anh T không có con chung. Chị và anh T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia. Do bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Hoàng Trí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh T không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị P đề nghị ly hôn. Anh T không có mặt tại các các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Thông tin tại địa phương xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T có mâu thuẫn, đúng với nội dung trình bày của chị P.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Trần Thị P ly hôn với anh Hoàng Trí T; chị P có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Trần Thị P xin ly hôn với anh Hoàng Trí T là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn, cư trú tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa

Chị Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công việc. Anh Hoàng Trí T là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[3.1] Về yêu cầu ly hôn

Chị Trần Thị P với anh Hoàng Trí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn nên việc kết hôn giữa chị P và anh T là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại các buổi hoà giải, buổi làm việc và phiên toà, không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị P đề nghị ly hôn. Qua đó thể hiện, anh T không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng minh hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P ly hôn với anh T.

[3.2] Chị Trần Thị P và anh Hoàng Trí T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Về việc chia tài sản chung của vợ chồng, chị Trần Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Hoàng Trí T không có ý kiến. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Chị Trần Thị P là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT TUÁN:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

- Cho chị Trần Thị P ly hôn với anh Hoàng Trí T;

- Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010358 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên), chị Trần Thị P đã nộp đủ án phí.

- Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thủy Nguyên;
- UBND phường Bắc Hà, quận Kiến An (GCNKH số 55 ngày 28/9/2020 của UBND xã Lại Xuân);
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương